

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-4-2019  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Ngô Huỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Trường
2. Ông Châu Văn Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (có mặt)

Trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

**- Bị đơn:** Ông Trần Minh T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Trần Minh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu cờ bạc, bà đã nhiều lần khuyên ngăn, nhưng không được. Nay bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/6/2009, hiện đang sống với bà L, bà Liên yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận bà L, ông T là vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bị đơn ông Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Minh T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà L thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, nhiều lần hăm dọa bà. Do không còn hạnh phúc bà L yêu cầu ly hôn. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì với cuộc hôn nhân của ông, điều đó cho thấy ông T và bà L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà L yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, ông, bà không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung bà L và ông T có một người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/6/2009 hiện đang sống với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, và cháu H cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà L nuôi dưỡng. Ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Trần Minh T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/6/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Ông Trần Minh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho ông T không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã đóng theo biên lai số 0017941 ngày 02 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà L đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Ngô Huỳnh**